

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Về tình hình lao động, việc làm quý III và 9 tháng năm 2024¹

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)², tình trạng thiếu hụt lao động trên thị trường thế giới được cải thiện, một phần do nguồn cung lao động tăng. Điều này phản ánh nhu cầu lao động đang giảm nhẹ và tốc độ tăng trưởng việc làm chậm lại ở một số quốc gia. Trong báo cáo “Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng 2024”³, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng nhận định tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu giảm nhẹ từ 5,0% (năm 2023) xuống 4,9% (năm 2024). Riêng đối với khu vực châu Á- Thái Bình Dương⁴, ILO dự báo thị trường lao động vẫn duy trì tăng trưởng việc làm ở mức trung bình trong dài hạn và tỷ lệ thất nghiệp hầu như không thay đổi trong bối cảnh các quốc gia khu vực này đang đối mặt với nhiều thách thức lớn đối với vấn đề việc làm thỏa đáng và công bằng xã hội.

Trong nước, lực lượng lao động, số người có việc làm quý III năm 2024 tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Lao động phi chính thức chiếm hơn 3/5 tổng số lao động có việc làm của cả nước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước. Tình hình thất nghiệp thanh niên 15-24 tuổi vẫn duy trì mức cao, tuy nhiên đã giảm so với quý trước và cùng kỳ năm trước.

1. Lực lượng lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý III năm 2024 là 52,7 triệu người, tăng 114,1 nghìn người so với quý trước và tăng 238,8 nghìn người so với

¹ Số liệu liên quan đến tình hình lao động việc làm năm 2019, 2020 trong báo cáo này được tính toán lại theo khung khái niệm mới ICLS 19. Một số số liệu trong báo cáo, tổng số có thể không bằng thành phần do làm tròn.

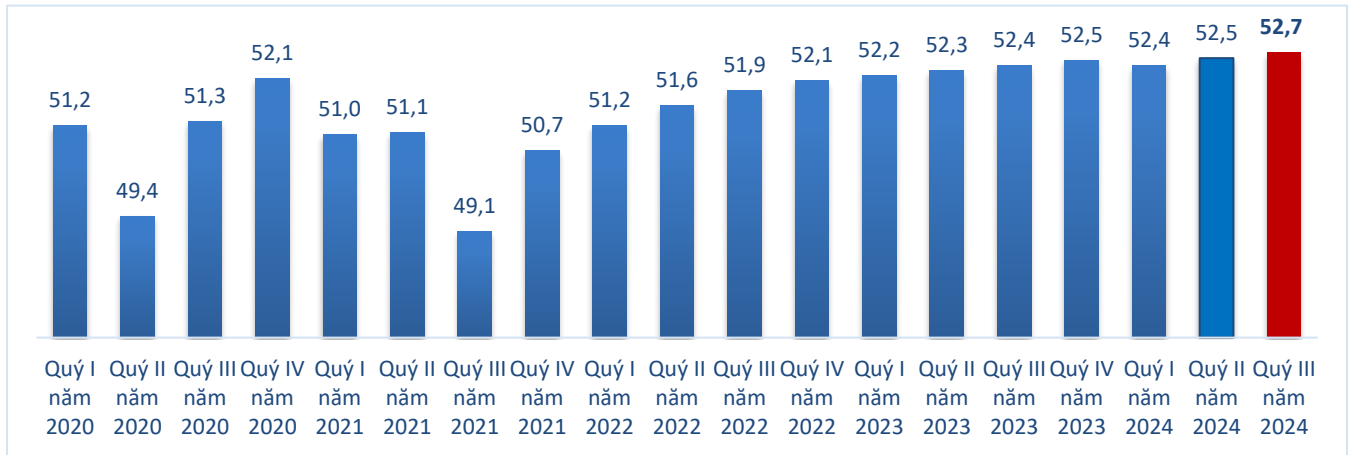
² OECD (Tháng 9/2024), “Báo cáo Triển vọng kinh tế OECD sơ bộ: Rẽ ngoặt”, https://www.oecd.org/en/publications/oecd-economic-outlook-interim-report-september-2024_1517c196-en.html, truy cập ngày 2/10/2024.

³ ILO (Tháng 05/2024), “Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng 2024”, <https://www.ilo.org/resource/news/ilo-expects-global-unemployment-drop-slightly-2024-slow-progress-reduce#:~:text=The%20ILO's%20World%20Employment%20and,5.0%20per%20cent%20in%202023,> truy cập ngày 20/9/2024.

⁴ ILO (Tháng 05/2024), “Triển vọng Việc làm và Xã hội khu vực châu Á- Thái Bình Dương năm 2024”. https://www.ilo.org/publications/major-publications/asia-pacific-employment-and-social-outlook-2024-promoting-decent-work-and?fbclid=IwZXh0bG9hZm90cmTEAAR2FIS9691EwTSlvDHJidqspr7hSskxft1dvffY6NTbRRTh9jwgEduje7h0_aem_ZmFrZWRIbW15MTZieXRlcw, truy cập ngày 22/9/2024.

cùng kỳ năm trước. So với quý trước, lực lượng lao động ở khu vực thành thị tăng 160,5 nghìn người và khu vực nông thôn giảm 46,4 nghìn người.

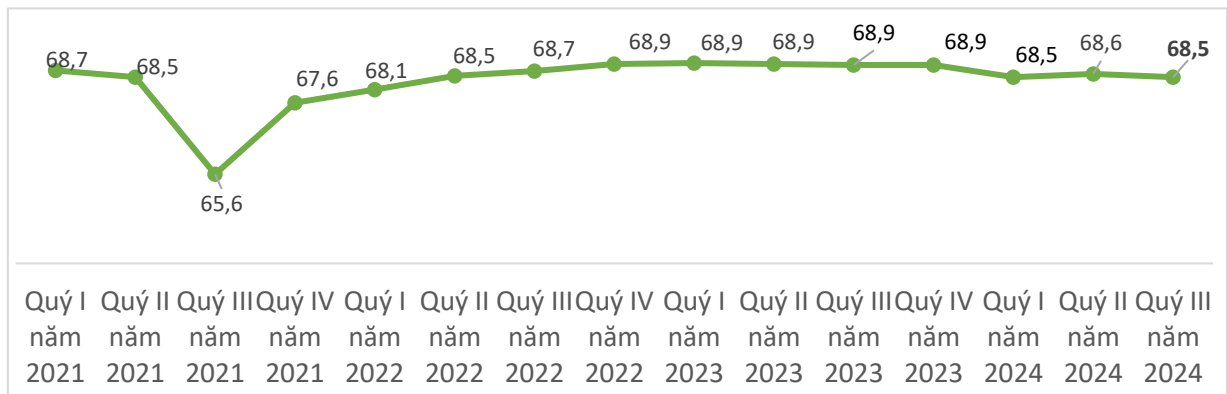
Hình 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo quý, giai đoạn 2020 – 2024 (Triệu người)



Tính chung 9 tháng năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt hơn 52,5 triệu người, tăng khoảng 0,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động ở khu vực thành thị đạt hơn 20,2 triệu người, chiếm 38,5% lực lượng lao động của cả nước; lực lượng lao động nữ đạt gần 24,6 triệu người, chiếm 46,8%.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý III năm 2024 là 68,5%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới là 62,5% và của nam giới là 74,7%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị là 66,5%, thấp hơn ở khu vực nông thôn 3,3 điểm phần trăm. Quan sát theo nhóm tuổi, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn ở các nhóm tuổi rất trẻ và nhóm tuổi già, trong đó chênh lệch nhiều nhất được ghi nhận ở nhóm 55 tuổi trở lên (thành thị: 34,8%; nông thôn: 47,6%) và nhóm từ 15-24 tuổi (thành thị: 35,0%; nông thôn: 42,3%).

Hình 2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (%)



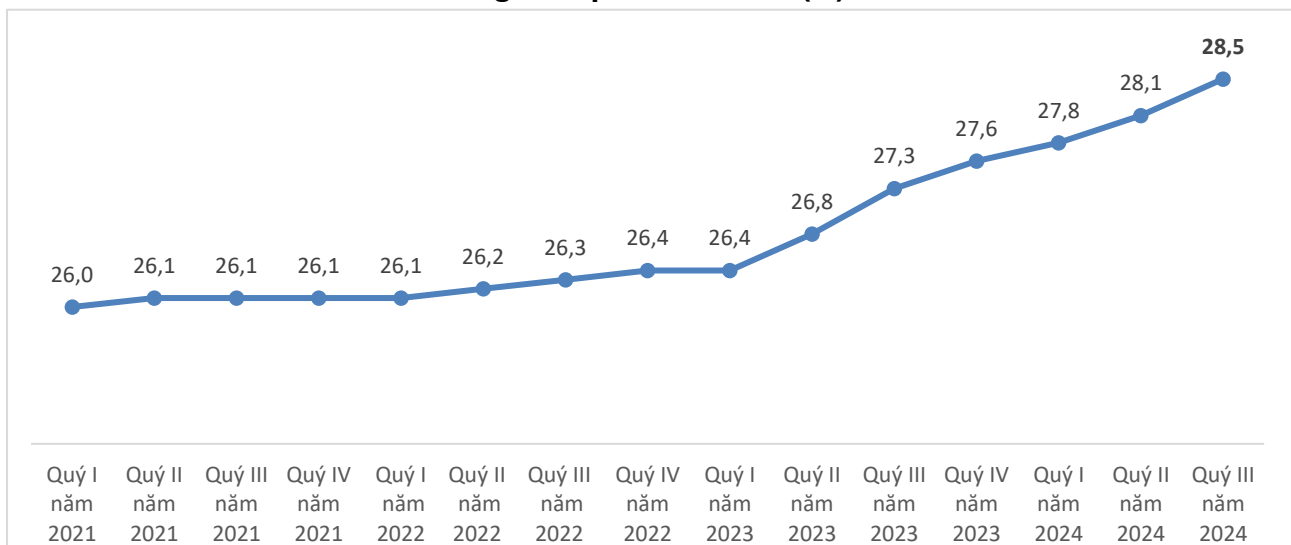
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 9 tháng năm 2024 là 68,5%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam giới

là 74,4%, giảm 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó con số này của nữ giới là 62,5%, giảm 0,4 điểm phần trăm.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III năm 2024 là 28,5%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Đây là quý thứ hai liên tiếp, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt trên 28%, điều này cũng cho thấy chất lượng nguồn lao động ngày càng được cải thiện.

Tính chung 9 tháng năm 2024, lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ ước tính đạt 28,1%, tăng 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Hình 3: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (%)

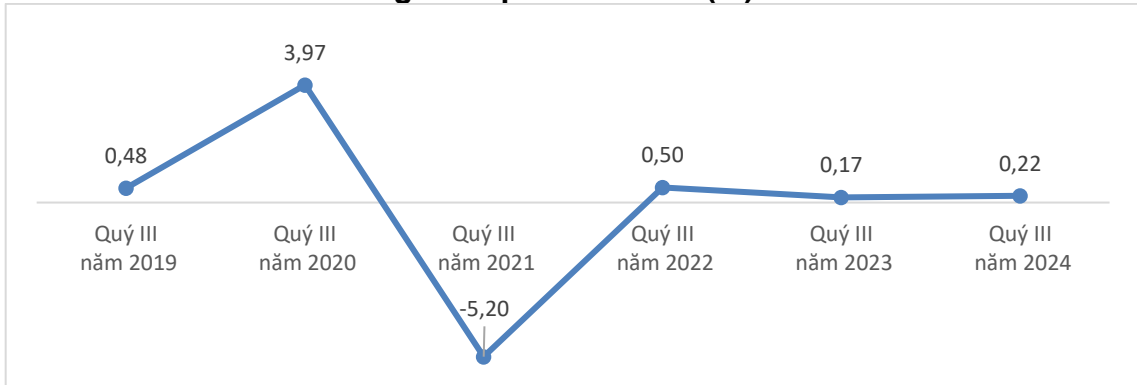


2. Lao động có việc làm

Số lao động có việc làm trong quý III năm 2024 tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước và tăng chủ yếu ở khu vực dịch vụ.

Lao động có việc làm quý III năm 2024 đạt hơn 51,6 triệu người, tăng 114,6 nghìn người, tương ứng tăng 0,22% so với quý trước và tăng 244,6 nghìn người, tương ứng tăng 0,48% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động có việc làm khu vực thành thị là 20 triệu người (chiếm 38,7%), tăng 233,8 nghìn người so với quý trước và tăng 884,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động có việc làm khu vực nông thôn là 31,6 triệu người, giảm 119,1 nghìn người so với quý trước và giảm 640,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Hình 4: Tốc độ tăng/giảm lao động có việc làm quý III so với quý trước, giai đoạn 2019-2024 (%)

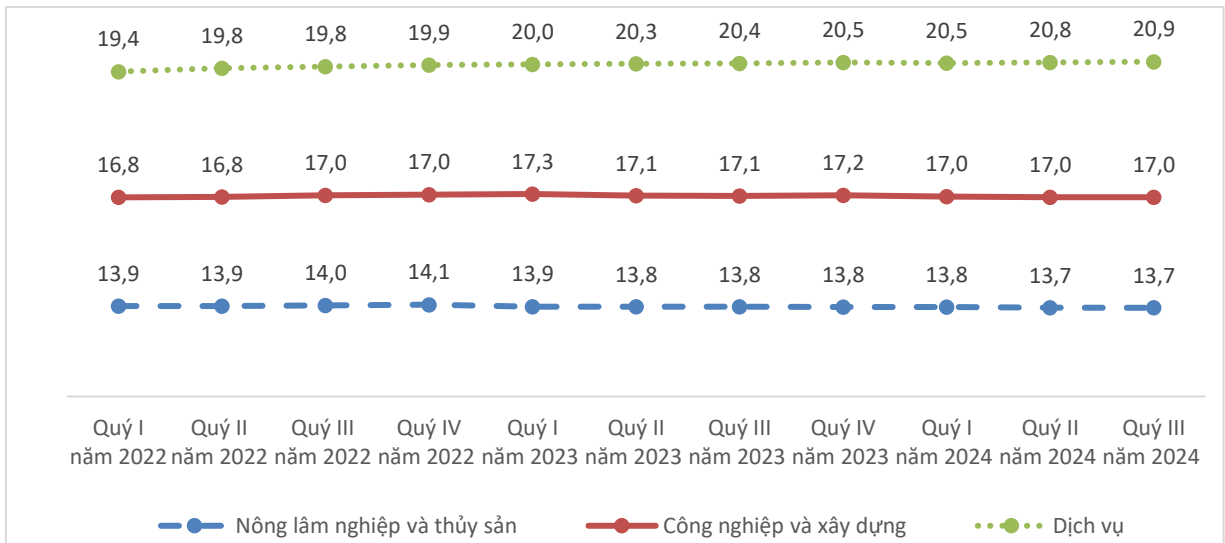


Tính chung 9 tháng năm 2024, lao động có việc làm đạt 51,4 triệu người, tăng 212 nghìn người (tương ứng tăng 0,41%) so với cùng kỳ năm trước. Số lao động có việc làm ở khu vực thành thị, ở nam giới và nữ giới đều tăng trong khi đó ở khu vực nông thôn giảm. Số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 19,8 triệu người, tăng 3,97% (tương ứng tăng 753,6 nghìn người); khu vực nông thôn là 31,7 triệu người, giảm 1,7% (tương ứng giảm 541,5 nghìn người); lao động nam đạt 27,3 triệu người, tăng 0,4% (tương ứng tăng 99,7 nghìn người); nữ đạt 24,1 triệu người, tăng 0,5% (tương ứng tăng 112,3 nghìn người).

Lao động có việc làm theo khu vực kinh tế

Trong quý III năm 2024, lao động có việc làm trong khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất với 40,5%, tương đương với 20,9 triệu người; tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,0%, tương đương với 17 triệu người; lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng thấp nhất với 26,5%, tương đương với 13,7 triệu người. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, quy mô và tỷ trọng lao động trong khu vực dịch vụ đều tăng, lần lượt là 103,4 nghìn người và 451,2 nghìn người về quy mô; tăng 0,1 điểm phần trăm và 0,7 điểm phần trăm về tỷ trọng. Trong khi đó, so với quý trước và cùng kỳ năm trước quy mô và tỷ trọng lao động có việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm. Cụ thể là, lao động có việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm lần lượt là 12,8 nghìn người và 154,5 nghìn người về quy mô; giảm 0,1 điểm phần trăm và 0,4 điểm phần trăm về tỷ trọng. Lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng nhẹ về quy mô so với quý trước (tăng 24 nghìn người) với tỷ trọng gần như không đổi; so với cùng kỳ năm trước quy mô và tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng giảm (cụ thể là giảm 52 nghìn người về quy mô và giảm 0,2 điểm phần trăm về tỷ trọng).

Hình 5: Số người có việc làm phân theo khu vực kinh tế theo quý, giai đoạn 2022-2024 (Triệu người)



Tính chung 9 tháng năm 2024, lao động trong khu vực dịch vụ là 20,7 triệu người, tăng 490,2 nghìn người, tương ứng tăng 2,42% so với cùng kỳ năm trước; lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,7 triệu người, giảm 126,7 nghìn người, tương ứng giảm 0,92%; lao động khu vực công nghiệp và xây dựng là 17 triệu người, giảm 151,5 nghìn người, tương đương giảm 0,9%.

Lao động có việc làm phi chính thức

Trong quý III năm 2024, lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản)⁵ trong quý III năm 2024 là 33 triệu người. Tỷ lệ lao động phi chính thức chung đạt 63,9% giảm 1,3 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2024, số lao động phi chính thức chung là 33,2 triệu người, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,6%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù tỷ lệ này vẫn còn khá cao, tuy nhiên có thể thấy, trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng của nước ta duy trì xu hướng tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng, tốt hơn so với cùng kỳ năm trước trên nhiều lĩnh vực cùng với đó là nhu cầu tuyển dụng tăng cao là động lực góp phần cải thiện thị trường lao động hiện nay.

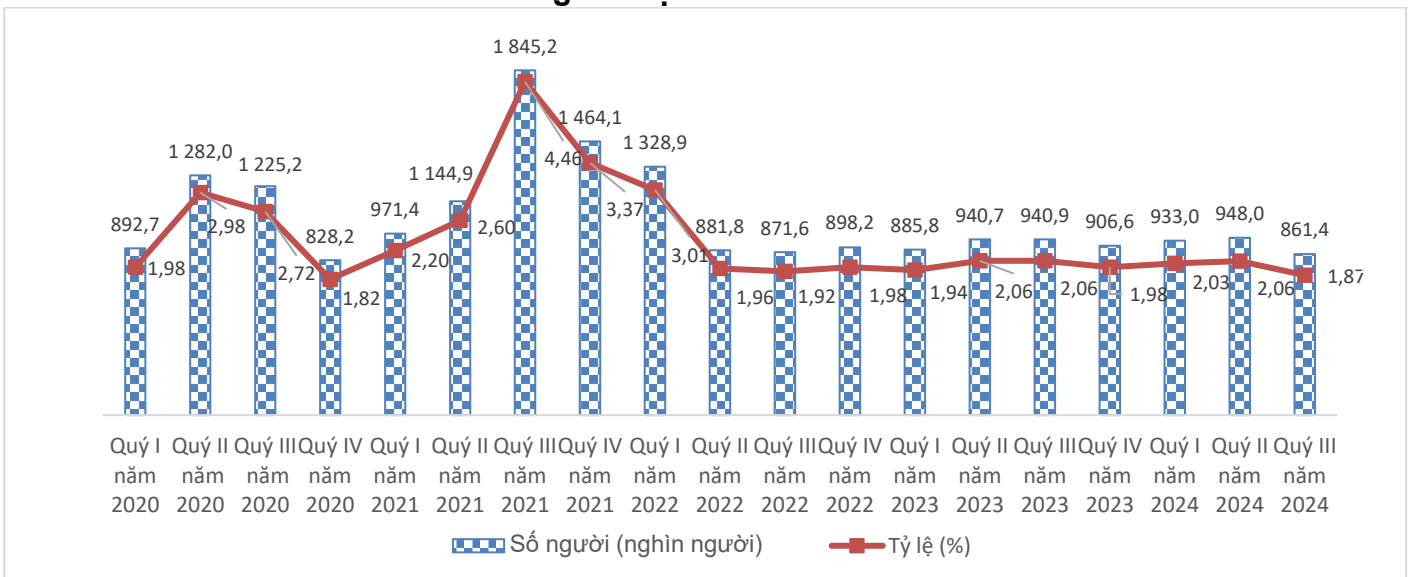
⁵ Lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực hộ nông lâm nghiệp và thủy sản) là những người có việc làm và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức (iii) người làm công hưởng lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; (v) lao động trong khu vực hộ nông nghiệp.

3. Thiếu việc làm trong độ tuổi lao động⁶

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi quý III năm 2024 giảm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.

Cơn bão Yagi đổ bộ vào miền Bắc trong tháng 9 vừa qua với sức tàn phá nặng nề, tuy nhiên tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong quý III năm 2024 duy trì xu hướng tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước. Nhiều chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai hiệu quả thúc đẩy hoạt động thương mại, vận tải, du lịch, xuất nhập khẩu hàng hóa phục hồi và tăng trưởng. Thị trường lao động Việt Nam trong quý III năm 2024 không gặp nhiều biến động do hậu quả của thiên tai và những bất ổn trên thị trường thế giới. Cụ thể, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động⁷ quý III năm 2024 khoảng 861,4 nghìn người, giảm 86,7 nghìn người so với quý trước và giảm 79,5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý này là 1,87%, đều giảm 0,19 điểm phần trăm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị là 1,09%, thấp hơn so với khu vực nông thôn (2,39%).

Hình 6: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2024



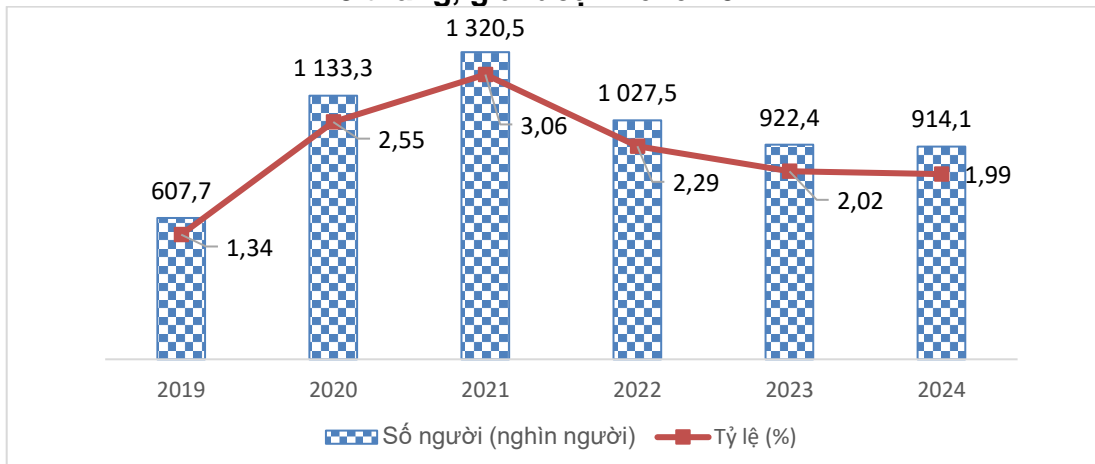
Tính chung 9 tháng năm 2024, tình trạng thiếu việc làm có xu hướng giảm, số người thiếu việc làm trong độ tuổi là 914,1 nghìn người, giảm 8,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi 9 tháng năm 2024

⁶ Người thiếu việc làm là những người làm việc thực tế dưới 35 giờ một tuần, mong muốn và sẵn sàng làm thêm giờ.

⁷ Theo quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019, trong độ tuổi lao động bao gồm: nam từ 15 đến 59 và nữ từ 15 đến 54 (từ năm 2020 trở về trước); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 3 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 4 tháng (năm 2021); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 6 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 8 tháng (năm 2022); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 9 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 56 tuổi (năm 2023); nam từ 15 đến chưa đủ 61 tuổi và nữ từ 15 đến chưa đủ 56 tuổi 4 tháng (năm 2024).

là 1,99%, giảm 0,03 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn (tương ứng là 1,28% và 2,46%).

Hình 7: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động 9 tháng, giai đoạn 2020-2024



Trong tổng số 861,4 nghìn người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở quý III năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng thiếu việc làm cao nhất với 51,3% (tương đương với 441,6 nghìn người); tiếp theo là khu vực dịch vụ chiếm 29,1% (tương đương 250,2 nghìn người); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng thấp nhất với 19,7% (tương đương 169,5 nghìn người). So với quý trước, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng (tăng 9,9 nghìn người), trong khi đó khu vực công nghiệp và xây dựng; khu vực dịch vụ đều giảm (giảm tương ứng là 74,8 nghìn người và 21,8 nghìn người). Như vậy, so với quý trước, tình hình thiếu việc làm của lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đã giảm đi.

4. Thu nhập bình quân của người lao động⁸

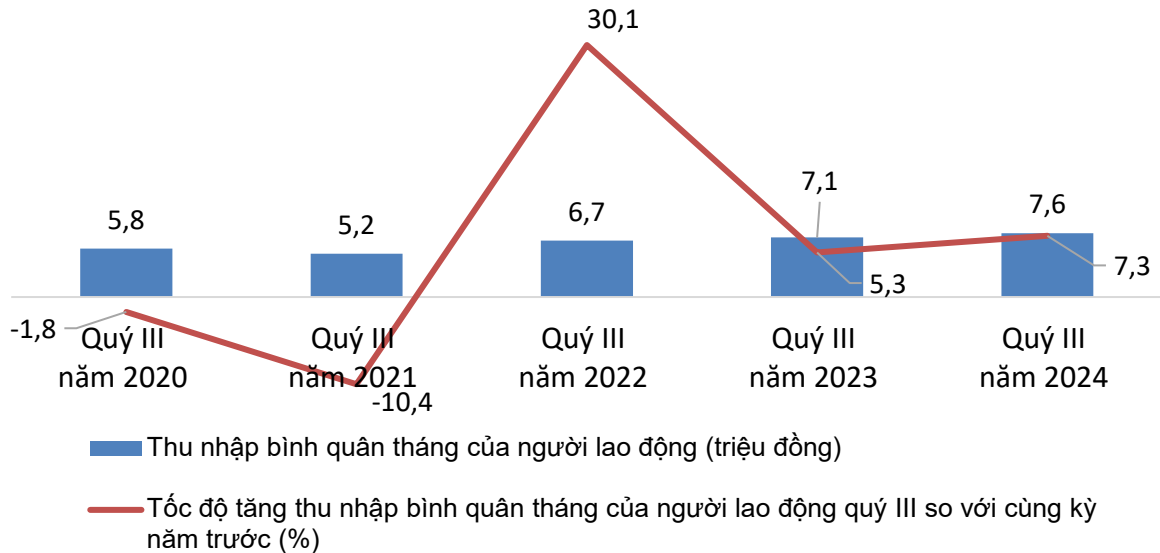
Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2024 là 7,6 triệu đồng, tăng 176 nghìn đồng so với quý trước và tăng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,34 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,7 triệu đồng so với 6,5 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,40 lần khu vực nông thôn (9,3 triệu đồng so với 6,6 triệu đồng).

So với quý trước, tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2024 không đáng kể (đạt 2,4%), cao hơn tốc độ tăng thu nhập bình quân của người lao động quý III năm 2023 là 0,3 điểm phần trăm (quý III năm 2023 đạt 2,1%).

⁸ Trong Điều tra lao động việc làm, thu nhập của người lao động là số tiền công/tiền lương hoặc lợi nhuận nhận được từ công việc (bao gồm tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề và tiền phúc lợi khác) trong tháng trước thời điểm điều tra. Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc là tổng thu nhập của tất cả lao động đang làm việc so với tổng số lao động đang làm việc.

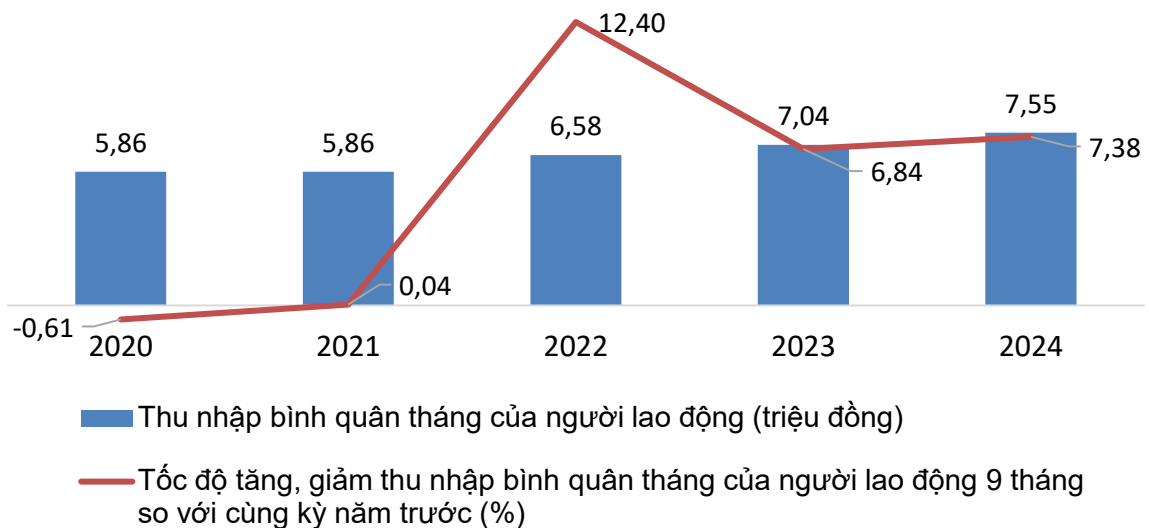
So với cùng kỳ năm trước, đời sống của người lao động được cải thiện hơn. So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2024 (đạt 7,3%) cao gấp 1,4 lần tốc độ tăng thu nhập bình quân của quý III năm 2023 (đạt 5,3%).

Hình 8: Thu nhập và tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động quý III so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2024



Tính chung 9 tháng năm 2024, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,6 triệu đồng, tăng 7,4%, tương ứng tăng 519 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,34 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,6 triệu đồng so với 6,4 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,40 lần khu vực nông thôn (9,2 triệu đồng so với 6,5 triệu đồng).

Hình 9: Thu nhập và tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động 9 tháng so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2024



Thu nhập bình quân tháng của người lao động theo vùng kinh tế - xã hội

So với quý trước, thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2024 tăng lên không đồng đều ở các vùng kinh tế - xã hội trong cả nước. Trong đó, thu nhập của người lao động tại vùng Đồng bằng sông Hồng được cải thiện hơn. Thu nhập bình quân tháng của lao động tại vùng Đồng bằng sông Hồng quý III năm 2024 là 9,1 triệu đồng, tăng 5,8% so với quý trước, cao hơn tốc độ tăng thu nhập bình quân của lao động tại vùng này của quý III năm 2023 (tăng 3,3%). Thu nhập của người lao động tại một số tỉnh trong vùng có tốc độ tăng cao: Hà Nội là 10,7 triệu đồng, tăng 6,6% so với quý trước (tương ứng tăng 659 nghìn đồng); Nam Định là 7,6 triệu đồng, tăng 5,7% (tương ứng tăng 406 nghìn đồng).

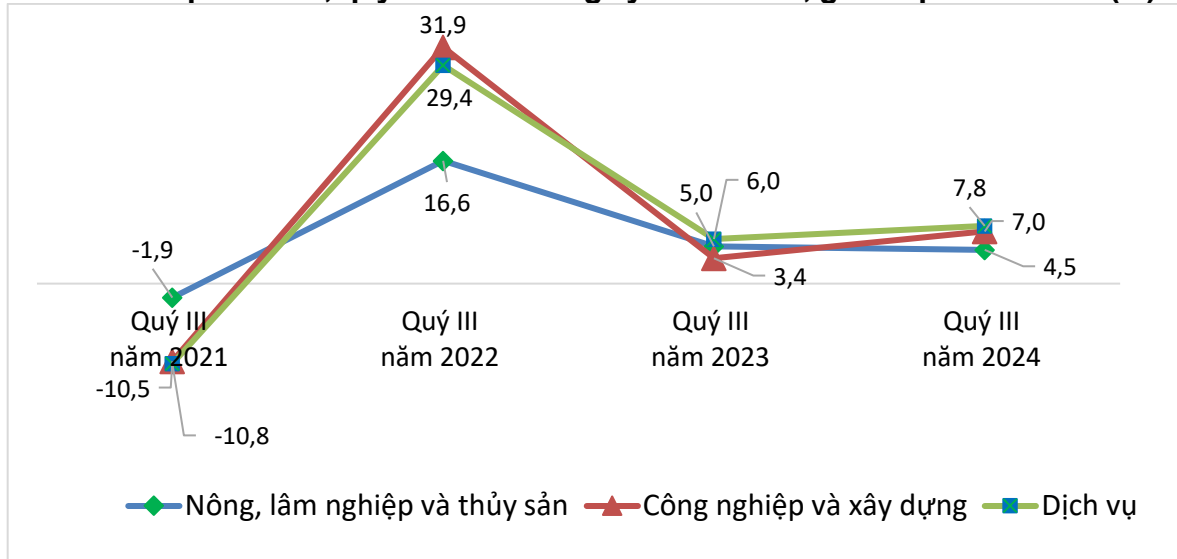
Vùng Trung du miền núi phía Bắc có tốc độ tăng thu nhập bình quân của người lao động tăng thấp, với 5,6 triệu đồng/tháng, tăng 0,82% so với quý trước (tương ứng tăng 45 nghìn đồng). Trong đó, một số tỉnh ghi nhận tốc độ giảm thu nhập bình quân tháng của người lao động như: Sơn La là 3,6 triệu đồng, giảm 7,8% (tương ứng giảm 305 nghìn đồng); Lạng Sơn là 5,8 triệu đồng, giảm 4,9% (tương ứng giảm 298 nghìn đồng); Cao Bằng là 3,2 triệu đồng, giảm 3,5% (tương ứng giảm 114 nghìn đồng).

Thu nhập bình quân của người lao động theo khu vực kinh tế

So với quý trước và cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2024 tăng lên ở hai khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Riêng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu nhập bình quân tháng của người lao động giảm so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước.

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III năm 2024 tăng cao nhất ở khu vực dịch vụ, với 9,1 triệu đồng, tăng 4,1% (tăng tương ứng 355 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 7,8% (tăng tương ứng 657 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 8,5 triệu đồng, tăng 2,3% (tăng tương ứng 189 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 557 nghìn đồng (tăng tương ứng 7,0%) so với cùng kỳ năm trước. Khu vực nông, lâm, nghiệp và thủy sản là 4,3 triệu đồng, giảm 2,9% (giảm tương ứng 128 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 4,5%, tăng tương ứng là 188 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 10: Tốc độ tăng/giảm thu nhập bình quân tháng của người lao động theo khu vực kinh tế, quý III so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2021-2024 (%)



Thu nhập bình quân của người lao động theo ngành kinh tế

So với cùng kỳ năm trước, Quý III năm 2024, thu nhập bình quân tháng của lao động tăng lên ở hầu hết các ngành kinh tế. Một số ngành ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá như: Ngành hoạt động kinh doanh bất động sản là 11,9 triệu đồng, tăng 12,7%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 11,3 triệu đồng, tăng 11,2%, tương ứng tăng 1,1 triệu đồng; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 12,7 triệu đồng, tăng 10,3%, tương ứng tăng 1,2 triệu đồng; công nghiệp chế biến chế tạo là 8,3 triệu đồng, tăng 6,7%, tương ứng tăng 524 nghìn đồng.

Tính chung 9 tháng năm 2024, lao động làm việc trong một số ngành kinh tế có tốc độ tăng thu nhập bình quân khá hơn với cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 11,2 triệu đồng, tăng 13,0%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; hoạt động kinh doanh bất động sản là 11,7 triệu đồng, tăng 11,6%, tương ứng tăng 1,2 triệu đồng; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 12,7 triệu đồng, tăng 11,2%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; khai khoáng là 11,0 triệu đồng, tăng 7,8%, tương ứng tăng 794 nghìn đồng; xây dựng là 8,4 triệu đồng, tăng 6,7%, tương ứng tăng 527 nghìn đồng.

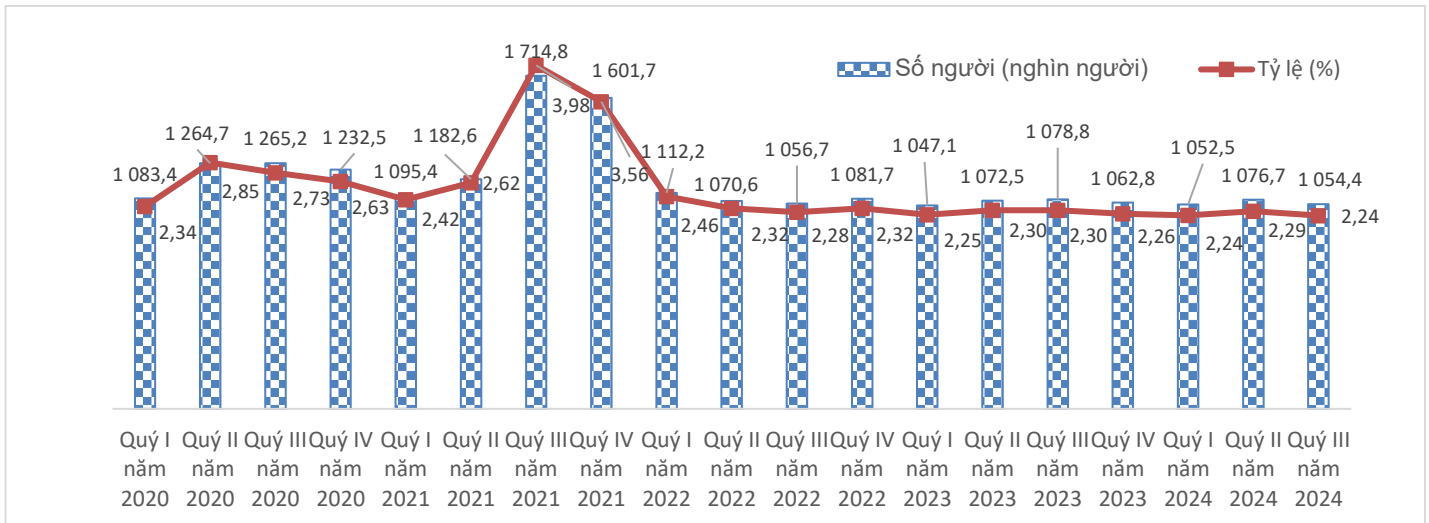
Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương trong 9 tháng năm 2024 là 8,5 triệu đồng, tăng 7,7%, tăng tương ứng 611 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Lao động nam có mức thu nhập bình quân cao hơn mức thu nhập bình quân của lao động nữ là 1,13 lần (9,0 triệu đồng so với 7,9 triệu đồng). Lao động làm việc trong khu vực thành thị có mức thu nhập bình quân là 9,5 triệu đồng, cao hơn 1,25 lần mức thu nhập bình quân của lao động ở khu vực nông thôn (7,7 triệu đồng).

5. Thất nghiệp⁹

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi quý III năm 2024 thấp hơn so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2024 khoảng 1,05 triệu người, giảm 22,2 nghìn người so với quý trước và giảm 24,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2024 là 2,24%, giảm 0,05 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,06 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị tiếp tục duy trì dưới mức 3%¹⁰. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường tiếp tục cao hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, và tình hình xuất nhập khẩu khởi sắc góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp cả nước trong quý này.

Hình 11: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2024

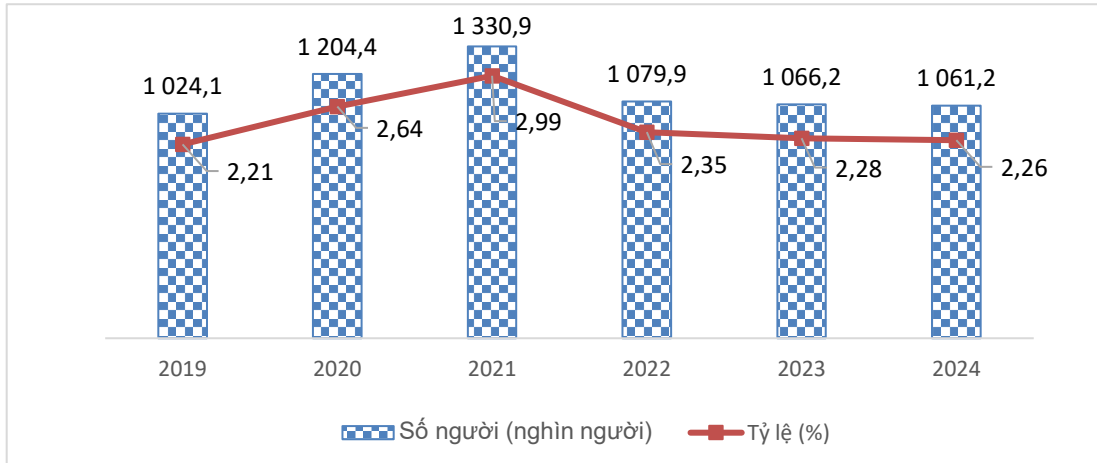


Tính chung 9 tháng năm 2024, cả nước có khoảng 1,06 triệu người thất nghiệp trong độ tuổi lao động, giảm 5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2024 là 2,26%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tình hình thất nghiệp 9 tháng năm nay ở Việt Nam cải thiện hơn so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên vẫn dao động quanh mức 2,2% như thời kỳ trước dịch Covid-19 xuất hiện.

⁹ Người thất nghiệp là người từ đủ 15 tuổi trở lên mà trong thời kỳ tham chiếu có đầy đủ cả 03 yếu tố: Hiện không làm việc, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc. Tỷ lệ thất nghiệp là tỷ lệ phần trăm giữa số người thất nghiệp so với lực lượng lao động.

¹⁰ Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị quý III các năm giai đoạn 2022-2024 lần lượt là: 2,79%; 2,78% và 2,29%.

Hình 12: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng, giai đoạn 2019-2024



So với quý trước, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) giảm, tuy nhiên tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia học tập hoặc đào tạo tăng.

Theo báo cáo “Xu hướng việc làm toàn cầu cho thanh niên năm 2024” của ILO¹¹, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên toàn cầu năm 2023 là 13% và dự kiến sẽ giảm xuống mức 12,8% trong năm 2024 và 2025. Tại Việt Nam, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15-24 tuổi trong quý III năm 2024 ở mức 7,75%, thấp hơn so với mức trung bình của toàn cầu nhưng vẫn duy trì mức cao. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, tỷ lệ này giảm tương ứng là 0,26 điểm phần trăm và 0,11 điểm phần trăm. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 8,33%, cao hơn 0,89 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn. So với quý trước, tỷ lệ này tăng ở khu vực nông thôn (tăng 0,58 điểm phần trăm) và giảm ở khu vực thành thị (giảm 1,86 điểm phần trăm).

Trong báo cáo “Cập nhật triển vọng việc làm và xã hội thế giới: Tháng 9 năm 2024”¹², ILO cho biết tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia giáo dục hoặc đào tạo (NEET) trên toàn cầu giảm nhẹ kể từ năm 2015, từ 21,3% xuống còn 20,4% vào năm 2024. Ước tính NEET cũng cho thấy sự bất bình đẳng giới vẫn đáng kể: tỷ lệ NEET của thanh niên nữ toàn cầu là 28,2%, gấp hơn hai lần so với thanh niên nam (13,1%). Tại Việt Nam, trong quý III năm 2024, có khoảng 1,4 triệu thanh niên từ 15-24 tuổi không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo (chiếm 10,7% tổng số thanh niên), tăng 75,3 nghìn người so với quý trước và giảm 156,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Quý III thường là giai đoạn mà tỷ lệ NEET tăng lên, do đây là thời điểm nhiều thanh niên vừa tốt

¹¹ ILO (Tháng 8/2024), “Xu hướng việc làm toàn cầu cho thanh niên năm 2024: Việc làm thỏa đáng, tương lai tươi sáng hơn”, <https://www.ilo.org/vi/publications/major-publications/tom-tat-tong-quan-xu-huong-viec-lam-toan-cau-cho-thanh-nien-nam-2024>, truy cập ngày 1/10/2024.

¹² ILO (Tháng 9/2024), “Triển vọng việc làm và xã hội thế giới: Cập nhật tháng 9 năm 2024”, <https://www.ilo.org/publications/flagship-reports/world-employment-and-social-outlook-september-2024-update>, truy cập ngày 1/10/2024.

nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng hoặc trung cấp, đang trong quá trình chuyển đổi từ môi trường giáo dục sang thị trường lao động. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị, 12,5% so với 7,9% và ở nữ thanh niên cao hơn so với nam thanh niên, 12,2% so với 9,4%.

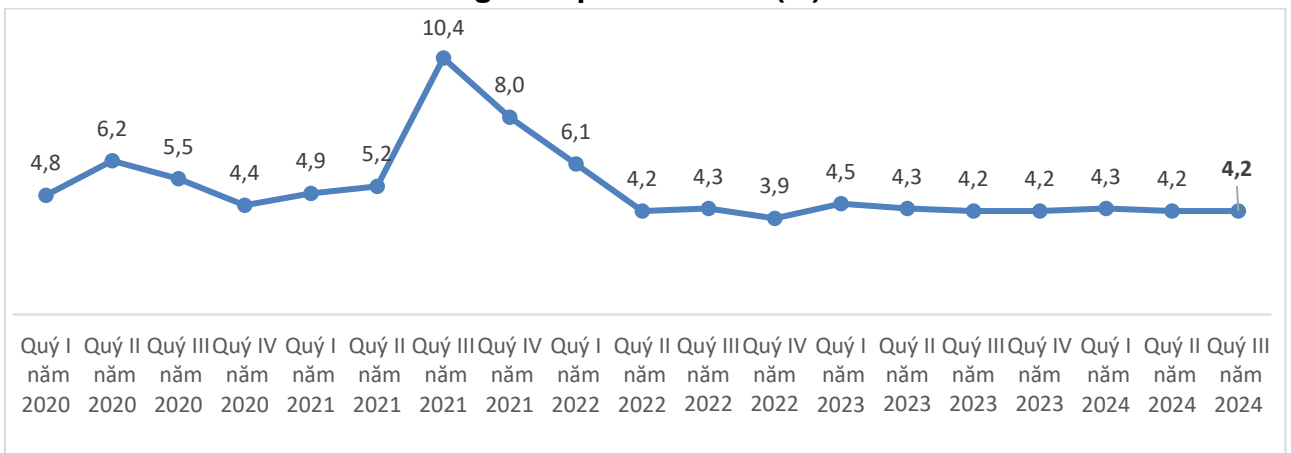
Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên và tỷ lệ NEET ở Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao, phản ánh tình trạng khó khăn khi tìm kiếm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, việc định hướng và phân luồng thanh niên cần được chú trọng và triển khai hiệu quả hơn, đồng thời cần tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp sinh viên sau khi ra trường có nhiều cơ hội làm đúng ngành, đúng nghề, từ đó tối ưu hóa nguồn nhân lực và góp phần quan trọng vào việc cân bằng cung - cầu lao động.

6. Lao động không sử dụng hết tiềm năng

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng¹³ là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường; phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam cao kỷ lục là 10,4% vào quý III năm 2021 do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 sau đó giảm dần và duy trì dao động quanh mức 4%. Quý III năm 2024, tỷ lệ này là 4,2% (tương ứng hơn 2,2 triệu người).

Hình 13: Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng theo quý, giai đoạn 2020-2024 (%)



¹³ Lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đủ công việc (hay còn gọi là lao động không sử dụng hết tiềm năng) bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động sẵn sàng làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là tỷ số giữa lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đầy đủ công việc so với tổng số lao động có nhu cầu làm việc trong nền kinh tế.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng quý III năm 2024 giữa nam và nữ có sự chênh lệch không đáng kể (ở nam là 4,2% và nữ là 4,1%). Tuy nhiên, có tới gần một nửa số lao động không sử dụng hết tiềm năng (48,0%) là những người từ 15-34 tuổi. Điều này cho thấy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ lực lượng lao động tiềm năng chưa được khai thác là những lao động trẻ tuổi.

Tính chung 9 tháng năm 2024, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là 4,3%, tương đương so với cùng kỳ năm trước.

7. Lao động làm công việc tự sản tự tiêu

Những năm gần đây, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu liên tục giảm dần. Tại thời điểm quý III năm 2024, con số này là gần 3,9 triệu người, giảm nhẹ khoảng 37,2 nghìn người so với quý trước và tăng 163,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong số này có đến 87,2% lao động ở khu vực nông thôn. Gần hai phần ba số người sản xuất sản phẩm tự sản tự tiêu quý III năm 2024 là nữ giới (chiếm 63,8%). Trong tổng số 3,9 triệu lao động sản xuất tự sản tự tiêu, có gần 2,3 triệu người trong độ tuổi từ 55 tuổi trở lên (chiếm 58,4%).

Tính chung 9 tháng năm 2024, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu trên cả nước là khoảng hơn 3,9 triệu người, tăng nhẹ 31 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 86,9% lao động ở nông thôn và số lao động ở nam giới là khoảng 36,2%.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ